

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 34

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - “EVN”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 – 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 38121000021 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum hiện đang trong giai đoạn xây dựng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất điện năng và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thành Trung	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2019
Ông Phan Hồng Quân	Thành viên	từ nhiệm ngày 7 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Minh Tuấn	Trưởng ban	
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên	
Ông Lê Quang Toàn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2019
Ông Vũ Hồng Đăng	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2019
Bà Vũ Phương Thảo	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2019

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh
Ông Hoàng Anh Tuấn
Ông Dương Tấn Tường

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 để ngày 27 tháng 8 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Số tham chiếu: 61359032/21166503-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 27 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, mô tả khoản nợ tiềm tàng liên quan đến kết quả của vụ kiện mà Công ty bị Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR18G gồm Tổng Công ty Công trình HydroChina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc kiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 27 tháng 8 năm 2019 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		357.362.076.898	811.436.799.114
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	16.455.230.977	157.038.260.816
111	1. Tiền		4.017.230.977	27.438.260.816
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.438.000.000	129.600.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		35.000.000.000	78.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.1	35.000.000.000	78.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		167.379.495.356	329.696.292.897
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	71.173.427.025	54.574.425.925
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	93.441.712.685	258.934.765.514
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.764.355.646	16.187.101.458
140	IV. Hàng tồn kho	8	127.102.069.586	240.203.956.342
141	1. Hàng tồn kho		127.102.069.586	240.203.956.342
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	14	11.425.280.979	6.498.289.059
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		8.835.211.241	3.904.662.328
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.590.069.738	2.593.626.731
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.991.859.513.774	7.155.702.739.697
220	I. Tài sản cố định		605.300.498.979	645.301.993.874
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	605.300.498.979	645.301.993.874
222	Nguyên giá		3.089.274.641.222	3.088.223.641.222
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.483.974.142.243)	(2.442.921.647.348)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		7.364.595.875.924	6.487.360.449.254
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	7.364.595.875.924	6.487.360.449.254
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12.2	10.812.957.192	10.812.957.192
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.000.000.000	1.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		9.812.957.192	9.812.957.192
260	IV. Tài sản dài hạn khác		11.150.181.679	12.227.339.377
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		207.899.394	1.122.961.821
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	861.808.912	861.808.912
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	10.080.473.373	10.242.568.644
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.349.221.590.672	7.967.139.538.811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.239.117.182.636	4.965.720.746.656
310	I. Nợ ngắn hạn		770.263.010.412	436.612.342.810
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	296.065.752.900	240.835.265.694
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	21.250.389.579	21.534.625.580
314	3. Phải trả người lao động		1.672.007.806	-
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	176.124.895.670	26.286.029.975
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	9.708.583.628	13.680.694.299
320	6. Vay ngắn hạn	17	259.617.823.009	124.494.715.812
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.823.557.820	9.781.011.450
330	II. Nợ dài hạn		4.468.854.172.224	4.529.108.403.846
338	1. Vay dài hạn	17	4.468.854.172.224	4.529.108.403.846
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.110.104.408.036	3.001.418.792.155
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	3.110.104.408.036	3.001.418.792.155
411	1. Vốn cổ phần		2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.332.468.038	6.332.468.038
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		356.373.490.000	356.373.490.000
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		27.661.280.000	27.661.280.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		657.324.709.998	548.639.094.117
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		544.183.094.117	241.989.154.277
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		113.141.615.881	306.649.939.840
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.349.221.590.672	7.967.139.538.811



Phan Thị Thanh Thúy
Người lập



Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	246.032.477.373	410.895.123.852
11	2. Giá vốn hàng bán	20, 23	(109.730.768.310)	(114.921.558.705)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		136.301.709.063	295.973.565.147
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	4.728.156.575	14.619.204.768
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	21	(4.378.582.065) (636.915.622)	(6.964.198.277) (987.847.105)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22, 23	(11.115.603.989)	(11.310.696.905)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		125.535.679.584	292.317.874.733
31	8. Thu nhập khác		519.000.000	548.884.544
32	9. Chi phí khác		(518.772.951)	(209.326.091)
40	10. Lợi nhuận khác		227.049	339.558.453
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		125.535.906.633	292.657.433.186
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(12.394.290.752)	(29.843.187.450)
60	13. Lợi nhuận thuần sau thuế		113.141.615.881	262.814.245.736



Phan Thị Thanh Thúy
Người lập



Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		125.535.906.633	292.657.433.186
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	41.052.494.895	40.373.898.430
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.715.693.710	5.969.983.664
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.728.156.575)	(14.619.204.768)
06	Chi phí lãi vay	21	636.915.622	987.847.105
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		166.212.854.285	325.369.957.617
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(10.559.376.152)	12.967.769.366
10	Giảm hàng tồn kho		162.095.271	27.383.812
11	Giảm các khoản phải trả		(4.786.575.793)	(15.175.213.687)
12	Giảm chi phí trả trước		915.062.427	946.395.848
14	Tiền lãi vay đã trả		(645.590.346)	(591.682.104)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.280.324.650)	(17.996.224.035)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.364.668.553)	(3.394.893.455)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		132.653.476.489	302.153.493.362
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(394.622.134.184)	(764.213.292.657)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(255.672.164.213)	(286.155.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		298.672.164.213	356.700.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia		7.184.285.519	17.639.137.924
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(344.437.848.665)	(676.029.154.733)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được	17	112.749.722.983	581.533.261.335
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(41.548.380.646)	(3.757.667.999)
36	Cổ tức đã trả	18.3	-	(204.863.327.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		71.201.342.337	372.912.265.836
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(140.583.029.839)	(963.395.535)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		157.038.260.816	150.591.722.817
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	16.455.230.977	149.628.327.282


Phan Thị Thanh Thúy
Người lập


Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (“Công ty”), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - “EVN”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 – 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh. Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hóa trong năm 2004. Vào ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2009, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 38121000021 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp để phát triển Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum đặt tại Tỉnh Kon Tum. GCNĐT này được điều chỉnh lần thứ 2 vào ngày 14 tháng 2 năm 2015. Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum hiện đang trong giai đoạn xây dựng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VSH theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất điện năng và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 233 (31 tháng 12 năm 2018 là: 237).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.2.1. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 để ngày 27 tháng 8 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ và dụng cụ, vật liệu xây dựng - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân cơ bản gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ với giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

▶ *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Tiền mặt	483.335.093	984.373.523
Tiền gửi ngân hàng	3.533.895.884	26.453.887.293
Các khoản tương đương tiền	12.438.000.000	129.600.000.000
TỔNG CỘNG	16.455.230.977	157.038.260.816

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 5,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	70.973.427.025	54.374.425.925
Phải thu từ khách hàng khác	200.000.000	200.000.000
TỔNG CỘNG	<u>71.173.427.025</u>	<u>54.574.425.925</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng Tỉnh Kon Tum	43.010.321.775	42.122.488.279
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	21.994.706.437	179.980.619.687
Khác	28.436.684.473	36.831.657.548
TỔNG CỘNG	<u>93.441.712.685</u>	<u>258.934.765.514</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Phải thu người lao động	949.722.000	1.944.070.329
Lãi tiền gửi	421.079.276	2.877.208.220
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (<i>Thuyết minh số 25</i>)	-	9.965.299.000
Khác	1.393.554.370	1.400.523.909
TỔNG CỘNG	<u>2.764.355.646</u>	<u>16.187.101.458</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Hàng đi đường	10.497.142.931	29.295.007.227
Vật liệu xây dựng cơ bản (*)	116.603.799.988	210.907.822.448
Công cụ, dụng cụ	1.126.667	1.126.667
TỔNG CỘNG	<u>127.102.069.586</u>	<u>240.203.956.342</u>

(*) Vật liệu xây dựng cơ bản chủ yếu bao gồm thiết bị phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị là 74.718.445.798 VND (31 tháng 12 năm 2018: 169.490.972.887 VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.071.063.631.854	970.231.639.412	36.968.488.625	9.959.881.331	3.088.223.641.222
Mua mới	-	950.000.000	-	101.000.000	1.051.000.000
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	2.071.063.631.854	971.181.639.412	36.968.488.625	10.060.881.331	3.089.274.641.222
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	96.812.687.846	836.746.503.930	22.251.509.314	2.689.740.030	958.500.441.120
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	1.520.343.139.323	891.378.039.657	27.289.753.148	3.910.715.220	2.442.921.647.348
Khấu hao trong kỳ	32.737.317.732	7.202.231.521	944.966.756	167.978.886	41.052.494.895
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	1.553.080.457.055	898.580.271.178	28.234.719.904	4.078.694.106	2.483.974.142.243
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	550.720.492.531	78.853.599.755	9.678.735.477	6.049.166.111	645.301.993.874
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	517.983.174.799	72.601.368.234	8.733.768.721	5.982.187.225	605.300.498.979

Công ty đã sử dụng một số tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại là VND 196.526.677.008 VND (31 tháng 12 năm 2018: 208.410.146.592 VND) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006 (Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	7.254.120.855.198	6.380.860.388.147
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 (ii)	98.047.075.772	98.047.075.772
Khác	12.427.944.954	8.452.985.335
TỔNG CỘNG	<u>7.364.595.875.924</u>	<u>6.487.360.449.254</u>

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kooi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kon Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án đã được chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32/EVN/HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2006 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty đã được phê duyệt cho phép đầu tư dự án này theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 1 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ với công suất lắp máy là 220 MW.
- (ii) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2 và 3 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định cấp GCNĐT số 35101000062 ngày 7 tháng 11 năm 2007, thuộc Quy hoạch bậc thang thủy điện thượng Sông Côn thuộc tỉnh Bình Định và Gia Lai đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Thủy điện Vĩnh Sơn 2 có hai (2) hồ chứa, là Hồ Suối Say và Hồ Đak Kron Bun, với công suất lắp máy là 80MW. Thủy điện Vĩnh Sơn 3 có công suất lắp máy là 30 MW.

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn (*Thuyết minh số 17*).

Chi tiết tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Số đầu kỳ	6.487.360.449.254	4.912.111.583.684
Xây dựng cơ bản	650.215.114.889	539.313.750.466
Chi phí lãi vay	227.020.311.781	188.663.743.039
Số cuối kỳ	<u>7.364.595.875.924</u>	<u>5.640.089.077.189</u>

11. THIẾT BỊ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Đây là giá trị thuần của công cụ, dụng cụ, vật tư và phụ tùng dùng để thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ là trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

12.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ sáu (6) tháng đến dưới 1 năm và hưởng lãi suất 6,9%/năm.

Công ty đã thế chấp khoản tiền gửi ngân hàng này nhằm đảm bảo cho các khoản bảo lãnh ngân hàng (Thuyết minh số 17).

12.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.2.1)	1.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2.2)	<u>9.812.957.192</u>	<u>9.812.957.192</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.812.957.192</u>	<u>10.812.957.192</u>

12.2.1 Đầu tư vào công ty con

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, chi tiết khoản đầu tư vào công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty con	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	<u>1.000.000.000</u>	100,00	<u>1.000.000.000</u>	100,00

Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100922968 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 24 tháng 7 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn, giám sát và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật công trình xây dựng. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 21 Đường Nguyễn Huệ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

12.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Ngày 30 tháng 6 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Vốn đầu tư VND	%	Vốn đầu tư VND	%
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	9.812.957.192	49,72	9.812.957.192	49,72

Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4100259469 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 10 năm 1998 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ du lịch khách sạn và lữ hành. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 10 Đường Nguyễn Huệ, Phường Lê Lợi, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	280.281.650	495.212.951
Các bên khác	295.785.471.250	240.340.052.743
- Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR 18G	188.796.692.308	188.796.692.308
- Andritz Hydro GmbH	40.727.384.323	21.038.415.722
- Khác	66.261.394.619	30.504.944.713
TỔNG CỘNG	296.065.752.900	240.835.265.694

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Thuế giá trị gia tăng	(6.494.732.066)	24.655.147.738	(29.585.696.651)	(11.425.280.979)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.280.324.650	12.394.290.752	(11.280.324.650)	11.394.290.752
Phí dịch vụ môi trường rừng	4.668.645.852	9.984.733.956	(10.063.640.052)	4.589.739.756
Thuế tài nguyên	4.847.288.799	24.899.257.381	(26.317.401.105)	3.429.145.075
Thuế nhà thầu	-	3.118.556.836	(3.118.556.836)	-
Thuế nhà đất	(3.556.993)	5.928.322	(2.371.329)	-
Thuế khác	1.738.366.279	3.774.428.000	(3.675.580.283)	1.837.213.996
TỔNG CỘNG	15.036.336.521	78.832.342.985	(84.043.570.906)	9.825.108.600
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu</i>	(6.498.289.059)			(11.425.280.979)
<i>Phải trả</i>	21.534.625.580			21.250.389.579

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí sửa chữa lớn và xây dựng	105.959.906.893	-
Chi phí lãi vay	70.164.988.777	26.286.029.975
TỔNG CỘNG	176.124.895.670	26.286.029.975

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Thưởng hiệu quả công việc và an toàn điện	5.563.062.980	10.847.662.623
Khác	4.145.520.648	2.833.031.676
TỔNG CỘNG	9.708.583.628	13.680.694.299

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Nhận tiền vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	Ngày 30 tháng 6 năm 2019
Ngắn hạn	124.494.715.812	71.161.295.797	(41.548.380.646)	105.159.185.499	351.006.547	259.617.823.009
Vay từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	56.161.295.797	-	-	-	56.161.295.797
Vay ngân hàng	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	124.494.715.812	-	(26.548.380.646)	105.159.185.499	351.006.547	203.456.527.212
Dài hạn	4.529.108.403.846	41.588.427.186	-	(105.159.185.499)	3.316.526.691	4.468.854.172.224
Vay ngân hàng	4.529.108.403.846	41.588.427.186	-	(105.159.185.499)	3.316.526.691	4.468.854.172.224
TỔNG CỘNG	4.653.603.119.658	112.749.722.983	(41.548.380.646)	-	3.667.533.238	4.728.471.995.233

Chi tiết các khoản vay bên liên quan được trình bày như sau

Bên cho vay	Hợp đồng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh	Hợp đồng cho vay có kỳ hạn ngày 10 tháng 4 năm 2019	50.000.000.000	Ngày 10 tháng 10 năm 2019	10%
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Hợp đồng cho vay có kỳ hạn ngày 7 tháng 5 năm 2019	6.161.295.797	Ngày 7 tháng 11 năm 2019	10%
TỔNG CỘNG		56.161.295.797		

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Hợp đồng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Bình Định (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 850 tỷ đồng	843.930.914.220	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 tới ngày 26 tháng 12 năm 2027	10,4
	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 600 tỷ đồng	574.065.985.689	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 tới ngày 26 tháng 12 năm 2027	9,9
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Kon Tum (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 700 tỷ đồng	696.498.146.384	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 tới ngày 13 tháng 7 năm 2027	10,30
	Số 01/2017/HĐTD với hạn mức 500 tỷ đồng	497.000.000.000	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 tới ngày 13 tháng 7 năm 2027	9,80
Ngân hàng TMCP Á Châu ("ACB") – Chi nhánh Bình Định (i)	Số 04/2015/HĐTD với hạn mức tổng cộng 950 tỷ đồng	446.097.500.000	Từ ngày 22 tháng 9 năm 2019 tới ngày 22 tháng 9 năm 2027	10,35 – 10,6
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank") – Chi nhánh Hiệp Phú (i)		492.365.786.765	Từ ngày 22 tháng 9 năm 2019 tới ngày 22 tháng 9 năm 2027	10,4 – 10,6
Vietcombank – Chi nhánh Gia Lai (i)	Số 01/2015/HĐTD với hạn mức 400 tỷ đồng	397.999.562.524	Từ ngày 26 tháng 9 năm 2019 tới ngày 13 tháng 7 năm 2027	10,30

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau (tiếp theo):

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2019 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich (ii)	602.602.841.539	25.801.877	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2029	LIBOR thời hạn 6 tháng+2,97%	Bảo lãnh từ BIDV – Chi nhánh Bình Định từ khoản thế chấp tiền gửi tiết kiệm 35 tỷ VND (Thuyết minh số 12.1)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên (iii)	121.749.962.315	5.278.330	Từ ngày 1 tháng 12 năm 2019 đến ngày 1 tháng 6 năm 2035	Phí dịch vụ 0,75% và phí quản lí 0,2%	Tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh (Thuyết minh số 9)

TỔNG CỘNG

4.672.310.699.436

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 203.456.527.212
Vay dài hạn 4.468.854.172.224

- (i) Những khoản vay này nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum, theo thỏa thuận tài trợ dự án số 01/2015/TTDA và 01/2017/TTDA giữa Công ty và các ngân hàng thương mại bao gồm BIDV – Chi nhánh Bình Định, Vietcombank – Chi nhánh Kon Tum, ACB – Chi nhánh Bình Định, HDBank – Chi nhánh Hiệp Phú và Vietcombank – Chi nhánh Gia Lai, trong đó, BIDV – Chi nhánh Bình Định giữ vai trò là ngân hàng đầu mối và đại lý nhận tài sản đảm bảo, bao gồm toàn bộ quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Ngoài ra, BIDV – Chi nhánh Bình Định còn ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2014/HĐBL/BIDV-VSH để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich với tổng số tiền bảo lãnh tối đa không vượt quá 30.634.865,8 USD.

- (ii) Ngày 28 tháng 3 năm 2013, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng xuất khẩu với Ngân hàng Raiffeisen Landesbank Oberosterreich. Khoản vay nhằm mục đích thanh toán 80% nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo Hợp đồng cung cấp thiết bị cơ điện cho Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum ký ngày 15 tháng 8 năm 2012 với Andritz Hydro GmbH.

- (iii) Đây là khoản vay để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Sông Hinh từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Quỹ Phát triển Bắc Âu (“NDF”). Vào ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã nhận bản giao khoản vay này từ Tổng Công ty Điện lực Việt Nam khi thực hiện cổ phần hoá thông qua hợp đồng tín dụng số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Phú Yên (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Yên). Các khoản vay này không lãi suất và chịu chi phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.062.412.460.000	6.332.468.038	327.862.780.000	27.661.280.000	486.816.431.277	2.911.085.419.315
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	262.814.245.736	262.814.245.736
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(206.241.246.000)	(206.241.246.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	28.510.710.000	-	(28.510.710.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.076.230.000)	(4.076.230.000)
Thù lao, thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(962.861.000)	(962.861.000)
Khác	-	-	-	-	(960.000.000)	(960.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	508.879.630.013	2.961.659.328.051
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	548.639.094.117	3.001.418.792.155
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	113.141.615.881	113.141.615.881
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.930.000.000)	(1.930.000.000)
Thù lao, thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.466.000.000)	(1.466.000.000)
Khác	-	-	-	-	(1.060.000.000)	(1.060.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	2.062.412.460.000	6.332.468.038	356.373.490.000	27.661.280.000	657.324.709.998	3.110.104.408.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	206.241.246	206.241.246
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>206.241.246</i>	<i>206.241.246</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	206.241.246	206.241.246
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>206.241.246</i>	<i>206.241.246</i>

18.3 Cổ tức

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Cổ tức công bố trong kỳ	-	206.241.246.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	-	204.863.327.500

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần về bán hàng

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Doanh thu bán điện cho bên liên quan (Thuyết minh số 25)	246.032.477.373	410.895.123.852

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.789.047.575	12.874.444.705
Cổ tức được chia	1.939.109.000	1.744.760.063
TỔNG CỘNG	4.728.156.575	14.619.204.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Giá vốn sản xuất điện	<u>109.730.768.310</u>	<u>114.921.558.705</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.741.666.443	5.976.351.172
Chi phí lãi vay	636.915.622	987.847.105
TỔNG CỘNG	<u>4.378.582.065</u>	<u>6.964.198.277</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí lương	7.194.052.323	5.690.180.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	928.998.677	1.112.736.661
Thuế, phí và lệ phí	344.784.222	351.124.193
Chi phí vật liệu quản lý	332.328.581	347.034.087
Chi phí khấu hao	303.358.423	320.644.434
Chi phí khác	2.012.081.763	3.488.976.730
TỔNG CỘNG	<u>11.115.603.989</u>	<u>11.310.696.905</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Thuế tài nguyên và dịch vụ môi trường	48.583.718.337	57.157.588.327
Chi phí khấu hao	40.718.055.146	40.122.613.876
Chi phí lương	19.183.709.378	17.448.272.559
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	3.878.069.522	1.899.669.293
Chi phí nguyên vật liệu	2.286.689.938	2.576.758.630
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.636.870.933	1.548.267.998
Chi phí khác	4.559.259.045	5.479.084.927
TỔNG CỘNG	<u>120.846.372.299</u>	<u>126.232.255.610</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% đối với thu nhập chịu thuế từ doanh thu bán điện trong vòng 15 năm và mức thuế suất phổ thông đối với thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>12.394.290.752</u>	<u>29.843.187.450</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>125.535.906.633</u>	<u>292.657.433.186</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	25.107.181.327	58.531.486.637
<i>Điều chỉnh:</i>		
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(12.325.068.775)	(28.339.347.174)
Cổ tức nhận được	<u>(387.821.800)</u>	<u>(348.952.013)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>12.394.290.752</u>	<u>29.843.187.450</u>

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	861.808.912	861.808.912	-	-

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	VND	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan	Bán điện	246.032.477.373	410.895.123.852
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	1.939.109.000	1.744.760.063
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con	Mua dịch vụ	503.624.817	913.921.307
Công ty CP Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ điện lạnh	Bên liên quan	Đi vay Lãi vay	50.000.000.000 936.986.301	- -
Công ty CP Cơ điện lạnh	Bên liên quan	Đi vay Lãi vay	6.161.295.797 87.777.365	- -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan	Bán điện	<u>70.973.427.025</u>	<u>54.374.425.925</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan	Phải thu về thuế tài nguyên	<u>-</u>	<u>9.965.299.000</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	Công ty con	Mua dịch vụ	<u>280.281.650</u>	<u>495.212.951</u>
<i>Vay ngắn hạn</i>				
Công ty CP Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ điện lạnh	Bên liên quan	Cho vay	50.000.000.000	-
Công ty CP Cơ điện lạnh	Bên liên quan	Cho vay	6.161.295.797	-
			<u>56.161.295.797</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>
Lương và các lợi ích khác	<u>2.341.751.775</u>	<u>2.069.848.499</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản cam kết 1.746.501.993.190 VND (31 tháng 12 năm 2018: 1.506.425.300.879 VND) chủ yếu liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Thượng Kon Tum.

27. NỢ TIỀM TÀNG

Vào ngày 4 tháng 9 năm 2014, Công ty đã nhận được Thông báo số 526/VIAC của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam ("VIAC") về vụ kiện số 24/14 liên quan tới Hợp đồng số 885/2010/HĐ-VSH-TH về việc Thiết kế và Thi công tuyển năng lượng giai đoạn 2 dự án Thượng Kon Tum ("Hợp đồng"). Trong thông báo này, Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR18G gồm Tổng Công ty Công trình HydroChina Huadong và Công ty TNHH Cục Đường sắt số 18 Trung Quốc là nguyên đơn yêu cầu Công ty bồi thường về việc vi phạm Hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty đã gửi đến VIAC hồ sơ tự bảo vệ. Ngoài ra, Công ty cũng đưa ra phản tố và yêu cầu bồi thường ngược lại vào ngày 20 tháng 11 năm 2014.

Vào ngày 9 tháng 4 năm 2019, Công ty đã nộp hồ sơ khởi kiện lại Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR18G do đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2019, Công ty đã nhận được Phán quyết từ Hội đồng Trọng tài đề ngày 10 tháng 4 năm 2019 buộc Công ty phải thanh toán bổ sung và bồi thường cho Tổ hợp nhà thầu Huadong – CR18G với tổng số tiền tương đương 1.974 tỷ đồng.

Vào ngày 2 tháng 5 năm 2019, Công ty đã nộp hồ sơ đến Tòa án Hà Nội yêu cầu hủy phán quyết trên. Vào ngày 11 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã thông báo đến Công ty về việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa trích lập dự phòng cho khoản nợ liên quan đến vụ án này trên báo cáo tài chính riêng do kết quả sau cùng của vụ kiện chưa được xác định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Phan Thị Thanh Thúy
Người lập



Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2019



